

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SUSTAINABLE CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VnScity., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109664538

**3. Ngày thành lập:** 09/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số LK477-NO13, Khu A, Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904 956 323

Fax:

Email: [office.vnscity@gmail.com](mailto:office.vnscity@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                          | 1622     |
| 2.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                    | 3100     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                          | 4102     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                    | 4211     |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                     | 4212     |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                         | 4221     |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                              | 4222     |
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                               | 4223     |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                | 4229     |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...). | 4299     |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                         | 4291     |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                  | 4292     |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                            | 4293     |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                           | 4311     |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                | 4312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng;<br>- Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình;<br>- Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy;                                                                                                                                                                                    | 4321 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 19. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632 |
| 20. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641 |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; | 4649 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>- Dịch vụ thương mại điện tử<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4791 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;                                                                                               | 4931 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, ô tô, tàu hỏa.;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                                                                                                                                                                                                                            | 5229 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn;<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; | 5510 |
| 29. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 30. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động kiến trúc;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; hoạt động tư vấn lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch các khu chức năng đặc thù.</li> <li>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng cơ bản.</li> </ul> <p>Hoạt động xây dựng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát xây dựng;</li> <li>+ Khảo sát địa hình;</li> <li>+ Khảo sát địa chất công trình;</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình;</li> <li>+ Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>+ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp;</li> <li>+ Thiết kế cơ – Điện công trình;</li> <li>+ Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</li> <li>+ Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng;</li> <li>+ Giám sát công tác xây dựng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng;</li> <li>* Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</li> <li>* Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;</li> <li>* Giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> </ul> </li> <li>+ Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình</li> <li>- Kiểm định xây dựng</li> <li>- Định giá xây dựng;</li> <li>+ Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; Phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</li> <li>+ Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</li> <li>+ Đo bóc khối lượng;</li> <li>+ Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</li> <li>+ Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</li> <li>+ Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</li> <li>+ Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;</li> <li>- Quản lý dự án;</li> <li>- Lập quy hoạch xây dựng;</li> </ul> | 7110(Chính) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410 |
| 32. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê ô tô;<br>- Cho thuê xe có động cơ khác;                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                     | 7730 |
| 34. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                | 7810 |
| 35. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7820 |
| 36. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911 |
| 37. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7912 |
| 38. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                             | 7990 |
| 39. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8110 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                           | 4322 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | THÂN ĐÌNH THÀNH | Số nhà 44, Ngõ 47 đường Yên Bệ, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 102.000    | 1.020.000.000         | 34,000    | 027088000304                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Tổng số                   | 102.000    | 1.020.000.000         | 34,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | THÂN ĐÌNH VINH  | Số LK477-NO13, Khu A, Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 99.000     | 990.000.000           | 33,000    | 027086000390                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          | Tổng số                   | 99.000     | 990.000.000           | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                         |                           |        |             |        |                  |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ BÍCH | Số LK477-NO13, Khu A, Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 99.000 | 990.000.000 | 33,000 | 0271860009<br>24 |
|   |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                         | Tổng số                   | 99.000 | 990.000.000 | 33,000 |                  |
|   |                 |                                                                                         |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **THÂN ĐÌNH THÀNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *20/01/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027088000304*

Ngày cấp: *10/01/2019*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 44, Ngõ 47 đường Yên Bệ, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 44, Ngõ 47 đường Yên Bệ, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội